

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/12/2021
V/v “chia tài sản chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hảo;

2. Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T – sinh năm 1953

Địa chỉ: Tổ 27, khu 10, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P – sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ 27, khu 10, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở Đài Loan.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hữu Thị T – sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 26, khu 10, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/9/2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị P có đăng ký kết hôn và đã ly hôn tại Bản án số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung

và công sức đóng góp. Tài sản chung của ông và bà Nguyễn Thị P là 01 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, diện tích 140m² tại số 07, tổ 27, phường T, thành phố Vì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ số A 985361 ngày 16/10/1991 cho ông Nguyễn Đức T. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông xây sau khi đã ly hôn với bà Phương, là tài sản riêng của ông. Ngoài ra, ông và bà Phương không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì khác. Ông đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của ông và bà Phương là thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/11/2021, ông nhận được Đơn trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị P gửi về từ Đài Loan, trong đó bà Phương đồng ý giao cho ông quản lý, sử dụng thửa đất số 06 nêu trên và không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Phương. Do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết, giao cho ông được quản lý và sử dụng thửa đất số 06 là tài sản chung của ông và bà Phương.

Ngày 17/11/2021, ông Nguyễn Đức T giao nộp cho Tòa án 01 Đơn trình bày ý kiến đề ngày 05/11/2021 của bà Nguyễn Thị P gửi về từ Đài Loan.

Tại Đơn trình bày ý kiến, bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức T có kết hôn và ly hôn tại bản án số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Bad xác định tài sản chung của bà và ông Nguyễn Đức T là 01 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, diện tích 140m² tại số 07, tổ 27, phường T, thành phố Vì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ số A 985361 ngày 16/10/1991 cho ông Nguyễn Đức T. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông Tòng xây sau khi ông bà đã ly hôn, là tài sản riêng của ông Tòng. Nay ông Tòng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án đề nghị chia tài sản chung là thửa đất nêu trên, quan điểm của bà là bà đồng ý giao cho ông Nguyễn Đức T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, diện tích 140m² tại số 07, tổ 27, phường T, thành phố Vì, tỉnh Phú Thọ. Ông Tòng không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà. Ngoài ra, bà và ông Tòng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì khác. Do bà đang ở Đài Loan không thể về Việt Nam giải quyết được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà. Bà ủy quyền cho bà Nguyễn Hữu Thịnh, sinh năm 1968, địa chỉ: tổ 26, khu 10, phường T, thành phố Vì, tỉnh Phú Thọ nhận thay văn bản tố tụng và bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2021, Bà Hữu Thị T trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Đức Tiến – em trai ruột ông Nguyễn Đức T. Bà và bà Nguyễn Thị P là chị em dâu. Bà vẫn thường xuyên liên lạc với bà Phương qua điện thoại. Trong Đơn trình bày ý kiến của bà Phương, bà Phương ủy quyền cho Nguyễn Hữu Thịnh, sinh năm 1968, địa chỉ: tổ 26, khu 10, phường T, thành phố Vì, tỉnh Phú Thọ. Đây vẫn là bà, bà Phương đã viết nhầm họ tên của bà trong đơn, nhưng khi gửi

bưu điện từ Đài Loan về thì vẫn viết đúng họ tên người nhận là Hữu Thị Thịnh. Bà cũng chính là người nhận văn bản của bà Phương gửi về và đưa cho ông Tổng giao nộp cho Tòa án. Bà cam đoan sẽ nhận thay bà Phương các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo ngay cho bà Phương biết nội dung các văn bản. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa án giao cho ông Nguyễn Đức T quản lý và sử dụng toàn bộ thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, diện tích 140m² tại số 07, tổ 27, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ông Tổng không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T nộp đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị P tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đó, ông Tổng cung cấp thông tin bà Phương có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 27, khu 10, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ Công văn số: 28560/QLXNC-P5 ngày 25/11/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an: Bà Nguyễn Thị Phương, sinh ngày 14/7/1956, đã xuất cảnh ngày 25/3/2010, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị P có Đơn trình bày ý kiến gửi về từ Đài Loan. Do chữ ký trong đơn của bà Phương không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị P trong Đơn trình bày ý kiến so với chữ ký, chữ viết của bà Phương trong Đơn xin học, thi lấy giấy phép lái xe và Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe. Tại Kết luận giám định số 1329/KLGD-2021 ngày 29/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ xác định: “Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị P và các chữ “Nguyễn Thị Phương” dưới mục: “Người làm đơn” trên “Đơn trình bày ý kiến” (mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị P và các chữ “Nguyễn Thị Phương” dưới mục: “Người làm đơn; Thí sinh ký” trên “Đơn xin học, thi lấy giấy phép lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe” (mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký

và viết ra.” Như vậy, có đủ căn cứ để xác định nội dung trong Đơn trình bày ý kiến thể hiện ý chí, nguyện vọng của bà Phương.

Từ những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị P có tài sản chung là 01 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, diện tích 140m² tại số 07, tổ 27, phường T, thành phố Vì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ số A 985361 ngày 16/10/1991 cho ông Nguyễn Đức T. Ngoài ra, ông Tòng và bà Phương không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì khác. Ông Tòng và bà Phương đều có quan điểm giao thửa đất số 06 nêu trên cho ông Tòng quản lý, sử dụng; ông Tòng không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Phương. Xét thấy việc ông Tòng đề nghị và bà Phương đồng ý giao cho ông Tòng được quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 06, không yêu cầu ông Tòng phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Phương là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông Tòng xây sau khi ông Tòng, bà Phương đã ly hôn. Ông Tòng và bà Phương đều xác định ngôi nhà là tài sản riêng của ông Tòng, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Đức T là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận thỏa thuận của ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Phương. Giao cho ông Nguyễn Đức T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 06, tờ bản đồ số 02, diện tích 140m² tại số 07, tổ 27, phường T, thành phố Vì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSDĐ số A 985361 ngày 16/10/1991 cho ông Nguyễn Đức T.

Ông Nguyễn Đức T không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị Phương.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Tiến